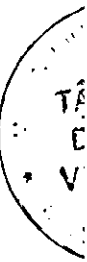


CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	13 - 66

CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Trần Sỹ Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Thành viên
Ông Phạm Xuân Cảnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2019)
Ông Lê Xuân Huyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019)
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2020)

: C
K
N
-
/ C
/ C
DE
VI
/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

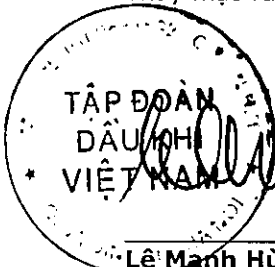
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Số: 1049 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 66 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại các Thuyết minh số 5, 9, 16 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - SBIC), Công ty đang tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án và khoản đầu tư vào các công ty con được bàn giao từ SBIC với giá trị tương ứng là 667.522.477.931 đồng và 0 đồng theo giá trị tại thời điểm bàn giao ngày 01 tháng 7 năm 2010 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 667.522.477.931 đồng và 0 đồng); đồng thời ghi nhận phải trả SBIC với số tiền tương ứng trên tài khoản phải trả ngắn hạn khác. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC liên quan đến việc bàn giao các dự án/công ty trên là 720.296.809.687 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 720.296.809.687 đồng) và phản ánh trên khoản mục phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán. Tại ngày báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản nhận bàn giao từ SBIC cũng như số tiền Công ty phải thanh toán cho SBIC. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề nói trên, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", công ty con của Công ty) với tỷ lệ là 52% và giá gốc khoản đầu tư là 3,9 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5, Công ty ghi nhận khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Nhà nước một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác dầu khí ("PVEP", công ty con của Công ty) với giá gốc là 59,7 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, do đó, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do số dư dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2018 của Công ty, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có đến chỉ tiêu lợi nhuận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư lợi nhuận chưa phân phối trong Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Theo đó, chúng tôi cũng không thể xác định được ảnh hưởng có thể có của số dư dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào PVEP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với tính có thể so sánh của số liệu tương ứng với số liệu năm hiện tại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính riêng đến các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 3, 9 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận chủ trương giao cho Công ty tiếp nhận và duy trì hoạt động đầu khí của Lô 01/97&02/97 và Lô 01/17&02/17 do các Hợp đồng đầu khí cũ đã hết hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong thời gian chờ chuyển giao cho đơn vị tiếp nhận, Công ty thực hiện ứng vốn đồng thời ủy quyền cho PVEP tạm thời điều hành hoạt động đầu khí tại các Lô này. Chi phí trong giai đoạn chuyển giao này sau đó sẽ được đơn vị tiếp nhận hoàn trả cho Công ty. Theo đó, các khoản ứng vốn được theo dõi lũy kế trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác; đồng thời, toàn bộ các khoản thu và chi liên quan đến hoạt động đầu khí tại các Lô đầu khí này được phản ánh trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác. Tại ngày báo cáo tài chính riêng, Công ty đang làm việc với các cấp có thẩm quyền phê duyệt Cơ chế điều hành các Lô đầu khí nói trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 và 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, một số khoản vay dài hạn ký giữa Công ty và các ngân hàng đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau. Gốc và lãi vay tương ứng của các khoản vay này chỉ được phản ánh tại báo cáo tài chính của các công ty tiếp nhận nói trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ("PVPower"), Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn ("BSR") và Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên ("PVOil") đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đang trong quá trình quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Công ty tạm thời phản ánh các xử lý tài chính tương ứng trên các khoản mục Phải thu ngắn hạn khác và Vốn khác của chủ sở hữu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại các Thuyết minh số 9 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đã bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho PVPower trong năm 2015. Ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tiếp nhận lại Sân phân phối 500kV này để chuyển giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán đối với dự án hoàn thành theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Đồng thời, các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng chưa hoàn thành.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3, số 9, số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty tạm thời tách khỏi kết quả hoạt động kinh doanh và ghi nhận nghĩa vụ ưu đãi tương đương thuế nhập khẩu và ảnh hưởng thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng trong giá mua sản phẩm bao tiêu phát sinh kể từ ngày vận hành thương mại của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (ngày 14 tháng 11 năm 2018) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác và ghi nhận khoản tiền tương đương thuế nhập khẩu và ảnh hưởng thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng trong giá bán xăng phát sinh trong cùng khoảng thời gian này trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến khi Đề án tổng thể xử lý nguồn thực hiện Nghĩa vụ ưu đãi tương đương thuế nhập khẩu và ảnh hưởng thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng ("Đề án tổng thể") được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tại ngày báo cáo tài chính riêng, Công ty đang làm việc với các cấp có thẩm quyền để xây dựng Đề án tổng thể nói trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.306.522.089.780	189.932.827.611.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.934.657.526.075	16.979.195.179.338
1. Tiền	111		6.121.155.000.055	3.631.724.179.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.813.502.526.020	13.347.471.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	135.509.238.832.427	114.521.170.024.169
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		135.509.238.832.427	114.521.170.024.169
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.313.489.986.453	54.852.257.854.245
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.281.984.522.365	12.258.668.316.597
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.753.733.673.641	3.161.380.815.264
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	459.681.222.595	383.681.222.595
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	51.133.216.013.352	41.361.690.085.872
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10a	(2.338.131.454.121)	(2.336.168.594.704)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	23.006.008.621	23.006.008.621
IV. Hàng tồn kho	140	12	67.569.958.031	120.838.096.440
1. Hàng tồn kho	141		67.569.958.031	134.756.052.395
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(13.917.955.955)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.481.565.786.794	3.459.366.457.657
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.511.987.032	166.725.988.103
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.444.186.318.096	893.795.068.022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	1.867.481.666	2.398.845.401.532

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		303.141.128.754.566	305.229.749.382.005
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.290.682.192.756	21.687.437.628.178
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	230.891.135.999	259.752.527.999
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	12.279.136.153.248	13.397.407.205.354
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.780.654.903.509	8.030.277.894.825
II. Tài sản cố định	220		2.094.360.363.978	2.294.022.858.237
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.946.113.651.027	2.131.176.306.137
- Nguyên giá	222		4.180.051.649.274	4.154.191.079.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.233.937.998.247)	(2.023.014.773.558)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	148.246.712.951	162.846.552.100
- Nguyên giá	228		324.617.160.965	319.679.263.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(176.370.448.014)	(156.832.711.715)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	484.834.901.825	514.873.058.201
- Nguyên giá	231		845.690.297.228	845.690.297.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(360.855.395.403)	(330.817.239.027)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		78.616.925.882.772	72.882.735.026.466
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	78.616.925.882.772	72.882.735.026.466
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	167.892.247.193.120	173.872.267.180.016
1. Đầu tư vào công ty con	251		156.170.625.620.754	156.170.625.620.754
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.489.101.537.419	25.489.101.537.419
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		424.593.092.059	424.593.092.059
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.192.073.057.112)	(8.212.053.070.216)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.762.078.220.115	33.978.413.630.907
1. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí	261	17	4.981.091.221.036	1.457.783.055.579
2. Chi phí phát triển mỏ	261	18	5.114.160.846.651	4.204.097.765.161
3. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	26.666.826.152.428	28.316.532.810.167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		512.447.650.844.346	495.162.576.993.854

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		132.408.491.263.145	124.069.890.616.787
I. Nợ ngắn hạn	310		52.952.858.453.431	44.588.453.204.145
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	15.770.407.656.634	17.462.484.782.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		57.481.719.998	43.193.600.964
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	7.091.082.142.266	4.759.395.930.292
4. Phải trả người lao động	314		66.794.575.231	116.807.903.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	268.945.556.694	403.702.529.488
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	24.640.474.390.196	17.035.064.279.642
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	4.655.654.394.616	4.585.668.803.066
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		90.622.441.022	8.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	311.395.576.774	174.135.374.294
II. Nợ dài hạn	330		79.455.632.809.714	79.481.437.412.642
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	753.435.860.081	758.795.767.225
2. Phải trả dài hạn khác	337	23	54.822.734.844.362	51.407.551.503.966
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	22.426.364.204.277	25.697.516.267.418
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	27	209.350.119.723	197.106.893.855
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	28	1.243.747.781.271	1.420.466.980.178

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		380.039.159.581.201	371.092.686.377.067
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	379.680.632.309.851	370.689.538.591.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		281.500.000.000.000	281.500.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		13.376.350.924.531	13.376.350.924.531
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		1.069.270.115	1.069.270.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.079.911.821.642	29.889.288.269.012
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		79.839.664.012	79.692.535.892
6. Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo	420		548.368.521.854	422.158.595.866
7. Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí	420		26.682.024.537.196	23.900.340.325.792
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.387.634.008.290	21.495.205.107.746
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		655.626.875.837	12.488.240.487.990
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.732.007.132.453	9.006.964.619.756
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		25.433.562.211	25.433.562.211
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		358.527.271.350	403.147.785.902
1. Quỹ khác của đơn vị sự nghiệp, tổ chức NCKH tự trang trải kinh phí		30	141.166.610.219	145.470.901.158
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		217.360.661.131	257.676.884.744
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		512.447.650.844.346	495.162.576.993.854

Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người lập biểu



Lê Mạnh Hùng

Đặng Minh Phong

Lương Thị Thúy Hòa

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

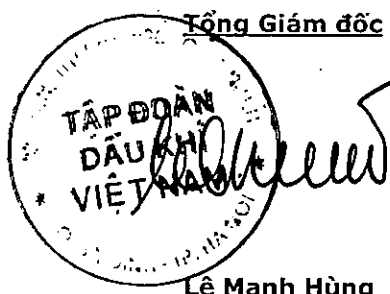
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	83.126.605.509.467	37.547.918.759.645
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		83.126.605.509.467	37.547.918.759.645
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	77.488.089.447.788	33.800.327.598.465
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.638.516.061.679	3.747.591.161.180
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	30.466.086.312.207	35.804.728.612.508
6. Chi phí tài chính	22	35	11.150.502.627.402	9.297.808.145.989
7. Chi phí bán hàng	25		21.146.520.064	19.817.189.776
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	1.356.288.862.575	1.663.955.220.698
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		23.576.664.363.845	28.570.739.217.225
10. Thu nhập khác	31		625.391.299.762	240.772.511.356
11. Chi phí khác	32		7.774.181.854	12.252.150.578
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	37	617.617.117.908	228.520.360.778
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.194.281.481.753	28.799.259.578.003
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	1.000.523.199.857	646.569.506.863
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	12.243.225.868	102.415.920.439
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		23.181.515.056.028	28.050.274.150.701

Tổng Giám đốc



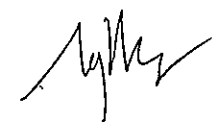
Lê Mạnh Hùng

Trưởng ban Tài chính Kế toán



Đặng Minh Phong

Người lập biểu



Lương Thị Thúy Hòa

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

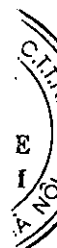
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.194.281.481.753	28.799.259.578.003
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư:	02	2.390.162.633.013	3.049.171.132.305
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		270.629.276.475	269.901.383.432
- Phân bổ chi phí thăm dò, phát triển, khai thác dầu khí		2.119.533.356.538	2.779.269.748.873
Các khoản dự phòng	03	6.050.687.331.380	3.376.132.029.489
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(482.443.113.414)	488.279.562.258
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.400.494.996.702)	(21.102.028.611.347)
Các khoản điều chỉnh khác	07	(3.333.294.415.938)	(6.043.452.590.243)
- (Lãi) tiền đầu Vietsovpetro		(3.487.687.410.558)	(6.143.179.816.329)
- Trích quỹ khoa học công nghệ		154.392.994.620	99.727.226.086
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.418.898.920.092	8.567.361.100.465
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.871.290.952.330)	(9.571.176.728.350)
Thay đổi hàng tồn kho	10	67.186.094.364	(74.147.701.573)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(978.248.729.203)	10.701.824.347.465
Thay đổi chi phí trả trước	12	121.274.718.638	(13.822.711.163)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(468.297.211.604)	(1.081.951.870.733)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.092.385.887.353	12.687.018.444.928
- Thu từ quỹ thu dọn mỏ giữ hộ các nhà thầu dầu khí		3.515.300.646.952	6.889.451.608.802
- Tiền thu khác		8.577.085.240.401	5.797.566.836.126
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.867.760.802.669)	(4.560.141.665.031)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.514.147.924.641	16.654.963.216.008
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.919.257.066.235)	(23.524.660.740.664)
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.099.356.625.657)	(16.379.731.824.268)
- Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(1.819.900.440.578)	(7.144.928.916.396)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.194.054.080	2.747.341.313.398
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.297.574.120.124)	(31.597.213.143.329)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.384.184.926.557	3.556.508.587.017
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(11.593.439.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	12.437.491.602.024
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.194.499.503.199	23.507.976.338.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.634.952.702.523)	(12.884.149.482.272)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu:	31	853.140.709.525	6.169.114.844.472
- Tiền lãi đầu, khí nước chủ nhà, tiền đọc tài liệu để lại		853.140.709.525	6.169.114.844.472
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.483.379.338.605	15.109.539.009.045
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.583.654.933.478)	(4.592.996.688.722)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.752.594.464.004)	(19.397.041.394.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.999.729.349.352)	(2.711.384.230.058)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.120.534.127.234)	1.059.429.503.678
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.979.195.179.338	15.919.765.675.660
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	75.996.473.971	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	7.934.657.526.075	16.979.195.179.338

Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người lập biểu



Lê Mạnh Hùng

Đặng Minh Phong

Lương Thị Thúy Hòa

Ngày 31 tháng 3 năm 2020